

Tiết 19,20

ÔN TẬP KTGKI

❖ HƯỚNG DẪN HS TÌM HIỂU BÀI.

BÀI 6: SỰ PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

I. Nền kinh tế nước ta trong thời kì đổi mới (Từ năm 1986)

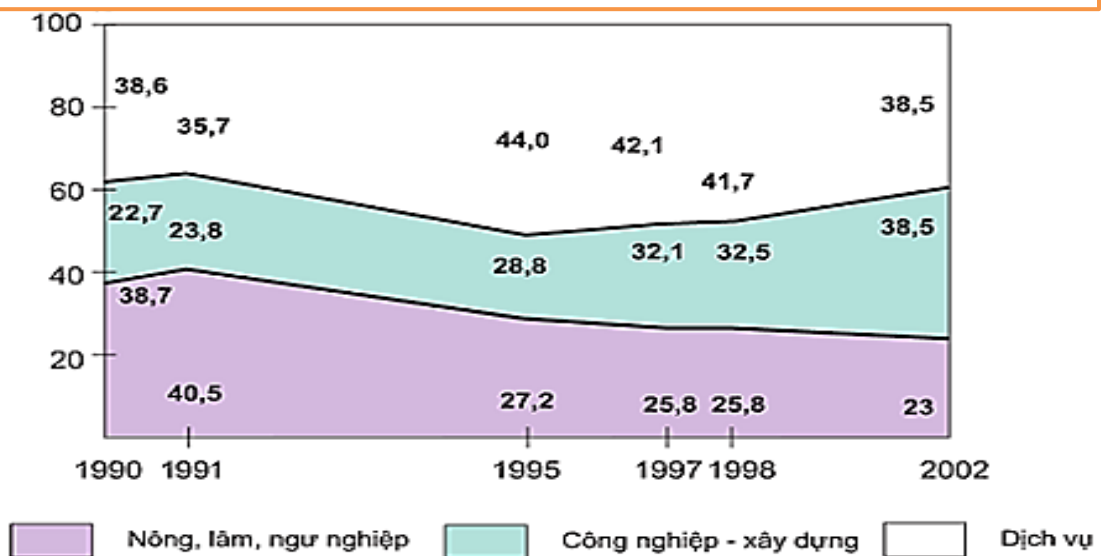
1. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.



a. Chuyển dịch cơ cấu ngành:



- Dựa vào hình 6.1, hãy phân tích xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Xu hướng này thể hiện rõ ở khu vực nào?



Hình 6.1. Biểu đồ chuyển dịch cơ cấu GDP từ năm 1990 đến năm 2002

=>Rút ra xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành?Giảm tỉ trọng ngành nào? Tăng tỉ trọng ngành nào?

b. Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ

- HS đọc nội dung trong sách giáo khoa trang 22-> Cho biết nội dung của chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ ?

c. Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế.

- HS đọc nội dung trong sách giáo khoa trang 22-> Cho biết nội dung của chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế ? QS bảng 6.1, kể tên các thành phần kinh tế?

Bảng 6.1. Cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế, năm 2002

Các thành phần kinh tế	Tỉ lệ (%)
- Kinh tế Nhà nước	38,4
- Kinh tế ngoài Nhà nước	47,9
+ Kinh tế tập thể	8,0
+ Kinh tế tư nhân	8,3
+ Kinh tế cá thể	31,6
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	13,7
Tổng cộng	100,0

II. Thành tựu và thách thức.

-HS đọc thông tin SGK trang 22, 23-> Nêu một số thành tựu và thách thức trong phát triển Kt của nước ta?



Thành tựu	Thách thức
- Kinh tế tăng trưởng tương đối vững chắc. - Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, trong công nghiệp hình thành một số ngành trọng điểm. - Sản xuất hàng hóa hướng ra xuất khẩu được đẩy mạnh, ngoại thương phát triển. - Thu hút đầu tư nước ngoài tăng. - Nước ta đang hội nhập vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu.	+ Hạn chế về vấn đề việc làm, phát triển văn hóa, y tế, xóa đói giảm nghèo... + Ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên. + Chênh lệch về kinh tế giữa các vùng miền còn lớn. + Biến động thị trường thế giới và khu vực. + Các thách thức khi tham gia AFTA, WTO,... => Nước ta cần nỗ lực đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao hiệu quả sản xuất, tận dụng cơ hội và vượt qua thử thách.

CHỦ ĐỀ: NGÀNH NÔNG NGHIỆP

Phần 1. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

Đọc SGK trang 24-25, phân tích những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp?

- **Các nhân tố tự nhiên**

Đất
Khí hậu
Nước
Sinh vật

- Tài nguyên đất:
 - + Đất phù sa: thích hợp trồng cây gì? Phân bố ở đâu?
 - + Đất Feralit: thích hợp trồng cây gì? Phân bố ở đâu?
 - + Đất nào chiếm diện tích lớn nhất?
- Tài nguyên khí hậu:
 - + Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm-> Có thể trồng từ 2-3 vụ lúa và rau màu trong một năm.
 - + Khí hậu phân hóa đa dạng-> Cơ cấu cây trồng đa dạng.
 - + Khó khăn của khí hậu ảnh hưởng đến NN?
 - Tài nguyên nước: Dồi dào nhưng phân bố không đều trong năm-> Vì vậy cần làm thủy lợi.
 - Tài nguyên sinh vật?

- **Các nhân tố KT-XH**

Dân cư-lao động
Cơ sở vật chất-kĩ thuật
Các chính sách phát triển nông nghiệp
Thị trường

- Công nghiệp chế biến nông sản phát triển và phân bố rộng khắp góp phần tăng giá trị và khả năng cạnh tranh của hàng nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất, ổn định và phát triển các vùng chuyên canh.
- Thị trường mở rộng có vai trò gì? -> Thúc đẩy sx, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp.

PHẦN II. Sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

I. Ngành trồng trọt.

1. Cây lương thực.

- Kể tên các cây lương thực ở nước ta? Lúa, ngô, khoai, sắn....
- Cây nào là cây lương thực chính? (cây lúa)
- Điều kiện tự nhiên để phát triển cây lúa ở ĐBSH và ĐBSCL? (Đất phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào)

2. Cây công nghiệp

- Vai trò của cây công nghiệp? (SGK trang 31)
- Điều kiện tự nhiên để phát triển cây cà phê ở Tây Nguyên? (Đất feralit, khí hậu cận xích đạo)
- Điều kiện tự nhiên để phát triển cây chè ở TD và MNBB? (Đất feralit, khí hậu cận nhiệt vùng núi)
- Điều kiện tự nhiên để phát triển cây sao su ở Đông Nam Bộ? (Đất xám, khí hậu cận xích đạo)
- Kể tên các cây công nghiệp hàng năm? (**Lạc, đậu tương, mía, bông, dâu tằm, thuốc lá...**)
- Kể tên cây công nghiệp lâu năm?(**Cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, dừa, chè...**)

3. Cây ăn quả.

- **Vì sao nước ta trồng được nhiều loại cây ăn quả? Vùng trồng cây ăn quả lớn nhất?**

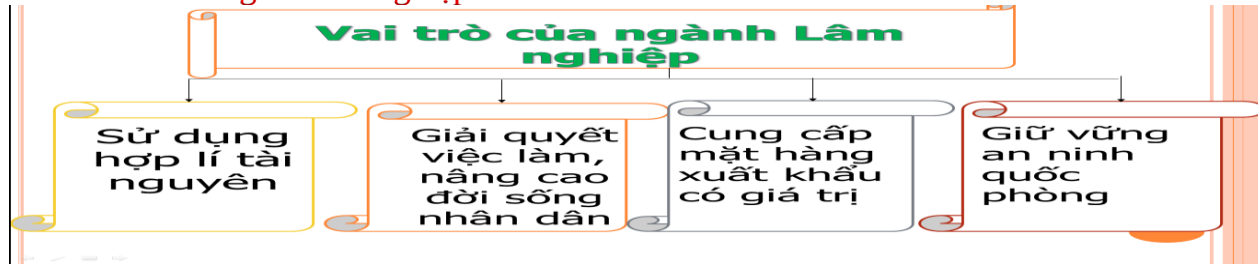
II. Ngành chăn nuôi.

- Đàn trâu nuôi nhiều nhất ở đâu? (Trung du và miền núi Bắc bộ, Bắc Trung Bộ)
- Đàn bò nuôi nhiều nhất ở đâu? (Duyên hải Nam Trung Bộ)
- Chăn nuôi bò sữa phát triển ven các thành phố lớn.vì sao?
- Chăn nuôi lợn và gia cầm gắn với vùng sản xuất lương thực.

CHỦ ĐỀ: NGÀNH LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

I. Lâm nghiệp.

- Nêu vai trò ngành lâm nghiệp?



-HS đọc SGK trang 34=> Nêu cơ cấu và vai trò các loại rừng?

- + Rừng sản xuất?
- + Rừng phòng hộ?
- + Rừng đặc dụng?

-HS HS đọc thông tin SGK trang 33, cho biết hiện trạng tài nguyên rừng ở nước ta?

-Dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy nêu nguyên nhân và hậu quả của việc mất rừng?

- Dựa vào Tập bản đồ Địa lí lớp 9:

- Kể tên các tỉnh có diện tích rừng trên 60% diện tích toàn tỉnh?
- Kể tên các tỉnh có diện tích rừng dưới 10% diện tích toàn tỉnh?
- Nhận xét sự phân bố tài nguyên rừng của nước ta?

2. Sự phát triển và phân bố lâm nghiệp

-HS đọc thông tin trong SGK trang 34,35-> trình bày đặc điểm phát triển ngành lâm sản?

- + Khai thác gỗ?
- + Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ?
- + Trồng rừng?

Việc đầu tư trồng rừng đem lại lợi ích gì? Tại sao chúng ta phải vừa khai thác vừa bảo vệ rừng?

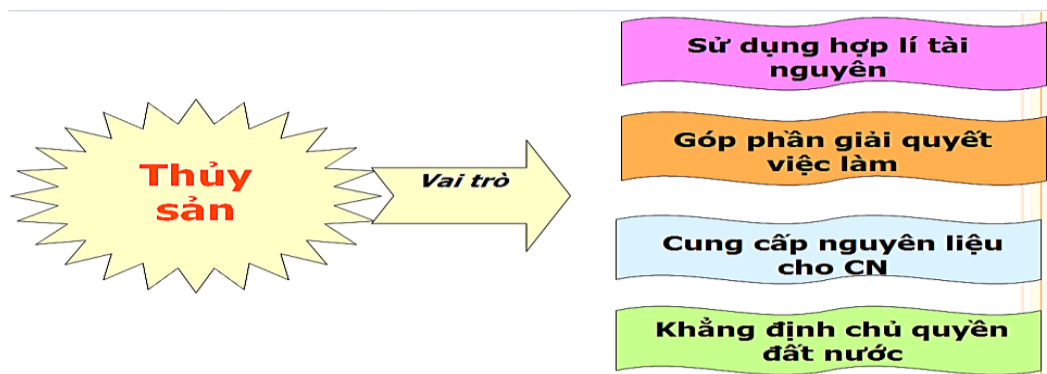
Hướng dẫn trả lời:

- Lợi ích:

- + Cung cấp gỗ, củi; cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp; cho dược liệu,...
- + Góp phần điều hoà môi trường sinh thái.
- + Góp phần phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường (chống lũ, bảo vệ đất chống xói mòn, bảo vệ bờ biển, chống cát bay,...).
- + Bảo tồn nguồn gen, các hệ sinh thái tự nhiên,...
- Con người không thể dừng việc khai thác rừng vì những lợi ích của mình. Nhưng đi đôi với khai thác là phải bảo vệ rừng để tránh cạn kiệt rừng, đảm bảo lợi ích cho cả thế hệ hiện tại và cho các thế hệ mai sau.

II. Ngành thủy sản.

Em hãy cho biết vai trò của ngành thủy sản?



Hs đọc thông tin trang 36 và hiểu biết của bản thân cho biết: Nước ta có những điều kiện tự nhiên thuận lợi và khó khăn gì trong phát triển ngành thủy sản?

<u>Thuận lợi</u>	<u>Khó khăn</u>
• Bờ biển dài 3260 km, vùng biển rộng hơn 1 triệu km², hải sản phong phú , đa dạng... • 4 ngư trường trọng điểm: (ghi ra) • Nuôi trồng:	• Thiếu vốn. • Môi trường bị suy thoái. • Nguồn lợi thủy sản suy giảm. • Nhiều bão->Ảnh hưởng đến nuôi trồng TS và hạn chế số ngày ra khơi.

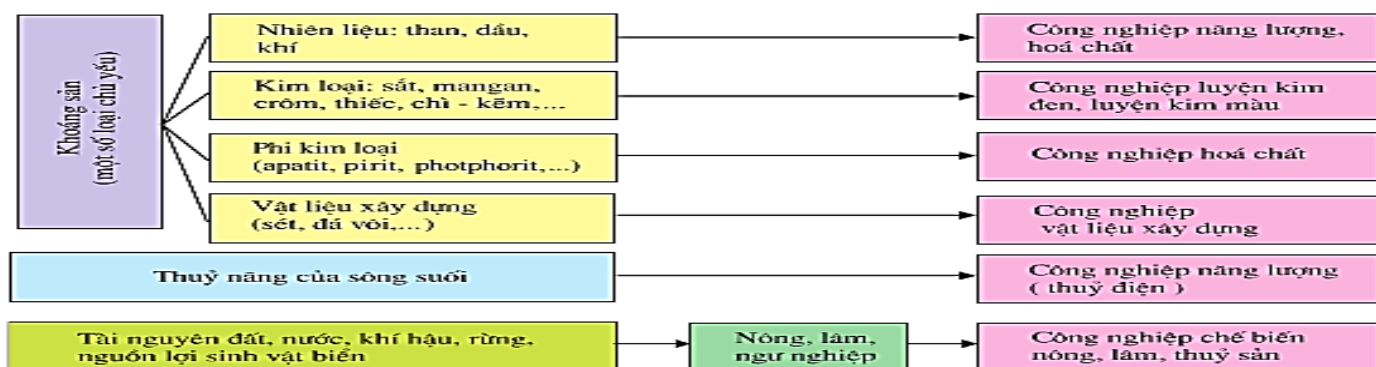
2. Sự phát triển và phân bố ngành thủy sản.

- Ngành thủy sản phát triển dọc các tỉnh ven biển từ Bắc –Nam, nhưng tập trung chủ yếu ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, và Nam Bộ (phát triển mạnh nhất ở ĐB sông Cửu Long)
- Sản lượng khai thác tăng khá nhanh chủ yếu do tăng số lượng tàu thuyền và công suất tàu.
- Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác.
- Xuất khẩu TS tăng vượt bậc.

Bài 11: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

I. Các nhân tố tự nhiên

- ❓ - HS Dựa vào hình 11.1 (SGK Địa Lí 9-Trang 39) cho biết các nguồn tài nguyên chủ yếu của nước ta thuận lợi cho sự phát triển các ngành công nghiệp nào?



II. NHÂN TỐ KINH TẾ XÃ HỘI

- Nhân tố dân cư và lao động ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp?
- Cơ sở vật chất-kĩ thuật trong công nghiệp và cơ sở hạ tầng ảnh hưởng ntn đến sự phát triển và phân bố công nghiệp?

- Việc cải thiện hệ thống đường giao thông có ý nghĩa đối với sự phát triển công nghiệp: giúp cho vận chuyển nguyên liệu, hàng hoá xuất nhập khẩu được nhanh chóng, thuận tiện hơn.

- **Chính sách phát triển công nghiệp ảnh hưởng ntn đến sự phát triển và phân bố công nghiệp?**
- **Thị trường ảnh hưởng ntn đến sự phát triển và phân bố công nghiệp?**

- Thuận lợi: thị trường trong nước và ngoài nước ngày càng mở rộng

- Khó khăn: đang bị cạnh tranh ngày càng quyết liệt bởi hàng ngoại nhập, đòi hỏi tăng chất lượng, mẫu mã.

Bài 12: Sự phát triển và phân bố công nghiệp

I. Cơ cấu ngành công nghiệp

HS đọc SGK trang 42:

? cho biết thế nào là ngành công nghiệp trọng điểm?

+ Chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu giá trị sản lượng công nghiệp.

+ Phát triển dựa trên thế mạnh nguồn tài nguyên thiên nhiên hoặc nguồn lao động

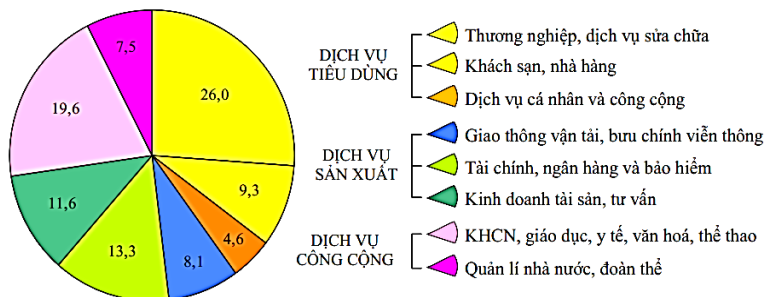
+ Đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội. (đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu)

+ Tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của các ngành kinh tế khác. (giúp các ngành khác phát triển)

Bài 13. VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CỦA DỊCH VỤ

1: Cơ cấu và vai trò của ngành dịch vụ trong nền kinh tế:

Biểu đồ cơ cấu GDP của các ngành dịch vụ ở nước ta năm 2017 (%) [trang 48]



- Đọc SGK và cho biết vai trò của ngành dịch vụ?

+ Cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất...

+ Đưa sản phẩm đến người tiêu dùng....

+ Tạo mối liên hệ giữa các ngành, các vùng...

- Bằng kiến thức thực tế em hãy phân tích vai trò của ngành BCVT trong SX và đời

- Dựa vào H 13.1: HS tính tỉ trọng các nhóm dịch vụ:

+ Dịch vụ chiếm khoảng 25% lao động nhưng lại chiếm 38,5% trong cơ cấu GDP.

+ Dịch vụ tiêu dùng:%

+ Dịch vụ sản xuất:%

+ Dịch vụ công cộng:%

- Nhận xét gì về sự phân bố của các ngành DV? Tại sao ngành DV ở nước ta phân bố không đều?

- Các hoạt động dịch vụ, nước ta phân bố không đều: Do đặc điểm phân bố dân cư không đều nên ảnh hưởng đến sự phân bố mạng lưới dịch vụ.

- Tại sao HN và TP HCM là 2 trung tâm dịch vụ lớn nhất và đa dạng nhất nước ta ?

Bài 15. THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH

I. THƯƠNG MẠI.

1. Nội thương.

- **Quan sát hình 15.1, + thông tin SGK trang 56->hãy cho biết hoạt động nội thương tập trung nhiều nhất ở những vùng nào của nước ta? Giải thích ?**
- ⇒ **Gợi ý:** Hoạt động nội thương tập trung nhiều nhất ở Đông Nam Bộ, sau đó tiếp đến là Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

-Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh có những điều kiện thuận lợi nào để trở thành các trung tâm thương mại, dịch vụ lớn nhất cả nước?

Trả lời:

Điều kiện thuận lợi của hai thành phố:

- Có vị trí đặc biệt thuận lợi.
- Đây là hai trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước.
- Hai thành phố đông dân nhất nước ta.
- Tập trung nhiều tài nguyên du lịch.

2. Ngoại thương.

HS đọc thông tin SGK trang 58 và quan sát hình 15.6, trả lời các câu hỏi sau:

- Vai trò của ngành ngoại thương?**
- Nhân xét biểu đồ và kể tên các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta?**

II. . Du lịch.

HS đọc thông tin SGK trang 59=>Vai trò của ngành du lịch?

- Nước ta có những điều kiện thuận lợi nào để phát triển ngành du lịch?**
- Tình hình phát triển và hạn chế của ngành du lịch?**
- + **Kể tên các tài nguyên du lịch tự nhiên?**

+ **Tài nguyên du lịch nhân văn?**

Khó khăn của ngành du lịch hiện nay?

- ⇒ Ô nhiễm MT ảnh hưởng tới du lịch, ngược lại du lịch cũng ảnh hưởng tới môi trường do sự thiếu ý thức của khách du lịch.
- ⇒ Nạn chèo kéo “chặt chém” du khách..
- ⇒ Biến đổi khí hậu.

❖ NỘI DUNG BÀI HỌC.



Bài 6: Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam.

II. Nền kinh tế nước ta trong thời kì đổi mới

- Công cuộc đổi mới nền kinh tế được triển khai năm 1986.

1. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta trong thời kì đổi mới

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là nét đặc trưng của quá trình đổi mới, thể hiện ở ba mặt chủ yếu: chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần kinh tế và cơ cấu lãnh thổ.

- Chuyển dịch cơ cấu ngành: Giảm tỉ trọng khu vực nông lâm ngư nghiệp, Tăng tỉ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng. Khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhưng còn biến động.

- Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế: Từ nền kinh tế chủ yếu là khu vực Nhà nước và tập thể sang nền kinh tế nhiều thành phần.
- Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ:
 - + Hình thành các vùng chuyên canh trong nông nghiệp, các lãnh thổ tập trung công nghiệp, dịch vụ, tạo nên các vùng kinh tế trọng điểm.
 - + Trên cả nước đã hình thành 3 vùng kinh tế trọng điểm: Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam.

2. Những thành tựu và thách thức.

* Thành tựu:

- Kinh tế tăng trưởng tương đối vững chắc.
- Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, trong công nghiệp hình thành một số ngành trọng điểm.
- Sản xuất hàng hóa hướng ra xuất khẩu được đẩy mạnh, ngoại thương phát triển.
- Thu hút đầu tư nước ngoài tăng.
- Nước ta đang hội nhập vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu.

* Thách thức:

- + Hạn chế về vấn đề việc làm, phát triển văn hóa, y tế, xóa đói giảm nghèo...
 - + Ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên.
 - + Chênh lệch về kinh tế giữa các vùng miền còn lớn.
 - + Biến động thị trường thế giới và khu vực.
 - + Các thách thức khi tham gia AFTA, WTO,...
- => Nước ta cần nỗ lực đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao hiệu quả sản xuất, tận dụng cơ hội và vượt qua thử thách.

III. BÀI TẬP LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Công cuộc Đổi mới ở nước ta đã được triển khai từ năm

- A. 1975 B. 1981 C. 1986 D. 1996

Câu 2: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế thể hiện ở:

- A. Hình thành các vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, miền Trung và phía Nam.
B. Chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần kinh tế và cơ cấu lãnh thổ.
C. Chuyển dịch cơ cấu ngành, thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta.
D. Hình thành các khu trung tâm công nghiệp, vùng công nghiệp mới.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là nét đặc trưng của quá trình đổi mới, thể hiện ở ba mặt chủ yếu: chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần kinh tế và cơ cấu lãnh thổ.

Câu 3: Cả nước hình thành các vùng kinh tế năng động thể hiện:

- A. Sự chuyển dịch cơ cấu GDP của nền kinh tế.
B. Sự chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế.
C. Sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.
D. Sự chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế.

Câu 4: Ba vùng kinh tế trọng điểm nước ta là

- A. Phía Bắc, miền Trung và phía Nam.
B. Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam.
C. Bắc Bộ, Trung bộ và Nam bộ.
D. Đồng bằng sông Hồng, Duyên Hải và Đông Nam Bộ.

Câu 5: Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ?

- A. Giảm tỉ trọng khu vực nông, lâm, ngư nghiệp.
B. Trong nông nghiệp đã hình thành các vùng chuyên canh.

C. Kinh tế cá thể được thừa nhận và ngày càng phát triển.

D. Công nghiệp là ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất.

Câu 6: Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế

A. Từ nền kinh tế nhiều thành phần sang nền kinh tế tập trung nhà nước và tập thể.

B. Cả nước hình thành 3 vùng kinh tế phía Bắc, miền Trung và phía Nam.

C. Chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần kinh tế và cơ cấu lãnh thổ.

D. Từ nền kinh tế chủ yếu là khu vực Nhà nước và tập thể sang nền kinh tế nhiều thành phần.

Câu 7: Ý nào sau đây không phải là thành tựu của nền kinh tế nước ta khi tiến hành đổi mới

A. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh và khá vững chắc.

B. Chênh lệch về kinh tế giữa các vùng miền còn lớn.

C. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo tích cực.

D. Hội nhập nền kinh tế khu vực và toàn cầu diễn ra nhanh chóng.

Câu 8: Ý nào sau đây không phải là thách thức của nền kinh tế nước ta khi tiến hành đổi mới

A. Sự phân hoá giàu nghèo và tình trạng vẫn còn các xã nghèo, vùng nghèo.

B. Nhiều loại tài nguyên đang bị khai thác quá mức, môi trường bị ô nhiễm.

C. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh và khá vững chắc.

D. Những bất cập trong sự phát triển văn hoá, giáo dục, y tế.



Nhận xét:

-Thành phần kinh tế ở nước ta đa dạng.

-Thành phần kinh tế nhà nướcchiếm tỉ trọng lớnnhất(38,4%).

-Nhỏ nhất là thànhphần kinh tế tập thể(8%)